

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05/4/2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 837/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Dương Thị Thủy T, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 65 D, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:*** Ông Trần Đình T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 10 Đường 22, Khu phố M, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Bà T có đơn xin vắng mặt; ông T1 vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 23/11/2020, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn – bà Dương Thị Thuỷ T trình bày:

Bà Dương Thị Thuỷ T và ông Trần Đình T1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2019, tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu sống chung ông, bà hạnh phúc bình thường. Sau đó ông, bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 không chăm lo cho gia đình và thường xuyên ăn nhậu. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà xin được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Dương Kh, sinh ngày 22/6/2020. Bà Dương Thị Thuỷ T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn – ông Trần Đình T1 không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do vậy, không thu thập được lời khai của ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – bà Dương Thị Thuỷ T yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Trần Đình T1. Do ông T1 có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Dương Thị Thuỷ T có đơn xin vắng mặt, Bị đơn – ông Trần Đình T1 vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kiểm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định bà Dương Thị Thuỷ T và ông Trần Đình T1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn

năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 25/11/2019. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T và ông T1 đã không còn hạnh phúc, đời sống gia đình xảy ra xung đột nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung. Bà T và ông T1 cũng đã hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Kết quả xác minh nơi cư trú của ông T1, Công an phường Linh Đông trả lời “Ông Trần Đình T1 có thực tế cư trú tại địa chỉ số 10 Đường 22, Khu phố 7, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh”. Quá trình tiến hành tố tụng, ông T1 không đến Tòa để giải quyết vụ án nên không thu thập được lời trình bày của ông T1, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kiểm tra tại phiên tòa để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy mục đích hôn nhân của bà T và ông T1 không đạt được, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Dương Kh, sinh ngày 22/6/2020. Xét thấy, trẻ hiện do bà T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống và tâm lý cho trẻ, Hội đồng xét xử giao cho bà T trực tiếp nuôi con là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Trần Đình T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thuỷ T phải chịu tiền án phí.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57, 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thuỷ T được ly hôn ông Trần Đình T1.

2. Về con chung: Có 01 (một) con tên Trần Dương Kh, sinh ngày 22/6/2020. Giao bà Dương Thị Thuỷ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Dương Kh. Bà T không yêu cầu ông Trần Đình T1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đình T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Dương Thị Thuỷ T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2019/0058925 ngày 02/4/2021, do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Thuỷ T và ông Trần Đình T1 được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Quốc Thịnh**

